

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2024/DS-ST

Ngày: 26/7/2024

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH- TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Hoàng Mỹ Dung.

2/ Ông Nguyễn Thanh Bình.

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại Hội trường xử án, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 102/2024/TLST-DS, ngày 20 tháng 3 năm 2024 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2024/QĐST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị P, sinh năm 1970;

Nơi cư trú: Số 195, đường ĐT 766, thôn 2B, xã Đông Hà, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Ông Bùi Minh Đ, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: Số 61, đường số 8, thôn 1, xã Tân Hà, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Văn B, sinh năm 1969;

Nơi cư trú: Số 195, đường ĐT 766, thôn 2B, xã Đông Hà, huyện Đức Linh,

tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn và người có quyền, nghĩa vụ liên quan. Vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 11/3/2024, các bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thì việc trình bày của nguyên đơn là bà Phạm Thị Pthể hiện:

Xuất phát từ quan hệ quen biết, ngày 11/11/2015 âm lịch (tức ngày 21/12/2015) ông Bùi Minh Đ có mượn của bà số tiền 20.000.000 đồng và cam kết trả trước 02 tháng.

Tuy nhiên, đến cuối năm 2023 bà đã nhiều lần thông báo cũng như trực tiếp đòi nhưng ông Đ vẫn không trả.

Do vậy, bà P đã làm đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bùi Minh Đ phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng và tiền nợ lãi 19.726.000 đồng. Tổng số tiền ông Đ còn phải trả cho vợ chồng bà là 39.726.000 đồng. Tại phiên tòa bà P đã rút yêu cầu trả lãi.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện Đức Linh tổng đạt, triệu tập họp lệ nhưng bị đơn – ông Bùi Minh Đ vắng mặt, cố tình không tham gia bất kỳ hoạt động tố tụng nào. Tuy nhiên qua kết quả xác minh tại Công an xã Tân Hà, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận đã có đủ cơ sở để xác định chính xác ông Bùi Minh Đ, sinh năm: 1983, trú tại: Thôn 1, xã Tân Hà, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận là người có quan hệ vay mượn như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp tại hồ sơ.

Tại các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn B trình bày: Ông hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của vợ ông là bà Phạm Thị P.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện các thủ tục tố tụng như tổ chức hòa giải; mở phiên họp về việc tiếp cận, công khai chứng cứ; Cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn, chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án:Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết buộc ông Bùi Minh Đ phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà P, ông B 20.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp:Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện đề ngày 11/3/2024 và các tài liệu chứng cứ cũng như lời khai của các đương sự, Tòa án xác định đây là vụ án: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú và địa chỉ cụ thể trên địa bàn huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai những văn bản như:Giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn là ông Bùi Minh Đ, nhưng ông vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung tranh chấp cần giải quyết:

[4.1] Về nghĩa vụ phải trả:

Ông Bùi Minh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị P nhưng ông Bùi Minh Đ vắng mặt không có lý do cũng như không có văn bản nào thể hiện ý kiến của ông Đ về việc không thừa nhận chữ ký của mình trong các Giấy mượn tiền ngày 11/11/2015 âm lịch, đồng thời cũng không xuất trình chứng cứ chứng minh đã thanh toán khoản nợ trên cho bà P. Như vậy, ông Đ đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ nội dung giấy mượn tiền ngày 11/11/2015 âm lịch (tức ngày 21/12/2015 dương lịch) thể hiện chữ ký và chữ viết họ tên của ông Bùi Minh Đ ở phần người mượn. Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463, 469 Bộ luật Dân sự, với tổng số tiền là 20.000.000 đồng. Xét hình thức và nội dung của các Giấy mượn tiền xuất phát từ sự tự nguyện, do các bên tự thỏa thuận, ký kết với nhau, nội dung thỏa thuận về việc vay tiền, số tiền vay, thời hạn trả nợ không trái quy định của pháp luật nên giấy mượn tiền ngày 11/11/2015 âm lịch (tức ngày 21/12/2015 dương lịch) có giá trị pháp lý và phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này là hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn và không có thỏa thuận về lãi suất.

Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần buộc ông Bùi Minh Đ phải thanh toán cho vợ chồng bà Phạm Thị P và ông Hoàng Văn B số tiền đã vay là 20.000.000 đồng.

[4.2] Về lãi suất: Trong đơn khởi kiện cũng như trong quá trình tố tụng nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất cụ thể là mức lãi suất là 1%/tháng, thời hạn tính lãi từ ngày 21/12/2015 đến ngày 11/3/2024. Nhưng tại phiên tòa nguyên đơn đã tự nguyện rút yêu cầu về phần yêu cầu tính lãi. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu tính lãi đối với tiền nợ 20.000.000 đồng trong vụ án này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên cần buộc ông Bùi Minh Đ là người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền ông Đ phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn.

[6] Về áp dụng án lệ: Sau khi nghiên cứu tất cả án lệ do Tòa án nhân dân tối cao công bố, không có vụ nào tương tự như vụ án đang được xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng án lệ mà chỉ căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

[7] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung của vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 463, Điều 466, Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1/ Xử buộc ông Bùi Minh Đ có nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng bà Phạm Thị P và ông Hoàng Văn B số tiền nợ 20.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền người phải thi hành án phải trả nêu trên, thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

2/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị P về yêu cầu ông Bùi Minh Đ phải trả số tiền lãi là 19.726.000 đồng.

3/ Về án phí: Ông Bùi Minh Đ phải chịu 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

Hoàn trả cho bà P số tiền đã nộp **993.000 đồng**, theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0004297**, ngày **20/3/2024** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

4/ Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (26/7/2024). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THA dân sự huyện Đức Linh,
- Các đương sự,
- Lưu qđ, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đức

